

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

Số: **03** /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sóc Trăng, ngày **29** tháng 01 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2004;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký; thay thế Chương III Quy định về việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại và quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2013/QĐ-UBND ngày 22/11/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp xã, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND;
- Các Đoàn thể cấp tỉnh;
- Lưu: NC, TD, HC.



Nguyễn Trung Hiếu



QUY ĐỊNH
Trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành
theo Quyết định số 03 /2015/QĐ-UBND ngày 29 /01/2015 của UBND tỉnh Sóc Trăng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định chi tiết về nguyên tắc, trình tự, thủ tục cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (gọi chung là quyết định có hiệu lực pháp luật).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Chủ tịch UBND các cấp; các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan; thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thi hành cưỡng chế theo Quy định này.

Điều 3. Nguyên tắc cưỡng chế

1. Việc cưỡng chế chỉ được thực hiện khi có quyết định cưỡng chế bằng văn bản của người có thẩm quyền.

2. Cơ quan thực hiện cưỡng chế đã động viên, giáo dục đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thực hiện quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng không tự nguyện chấp hành.

3. Quá trình cưỡng chế phải tiến hành công khai, dân chủ, khách quan, bảo đảm trật tự, an toàn, đúng quy định của pháp luật.

4. Thời điểm bắt đầu tiến hành cưỡng chế được thực hiện trong giờ hành chính.

5. Tôn trọng sự thỏa thuận của các bên liên quan trong quá trình thực hiện cưỡng chế; không xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

6. Việc tạm ngừng thực hiện quyết định cưỡng chế khi có quyết định của người có thẩm quyền.

Điều 4. Thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế và thời gian cưỡng chế

1. Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện đã có hiệu lực pháp luật, kể cả trường hợp quyết định bị khiếu nại và đã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận hoặc đã được Tòa án giải quyết công nhận.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định cưỡng chế đối với trường hợp:

a) Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh đã có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh có khiếu nại và đã được Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường công nhận hoặc đã được Tòa án giải quyết công nhận.

3. Người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế quy định tại khoản 1, 2 Điều này có thể giao quyền cho cấp phó, việc giao quyền phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn được giao quyền. Cấp phó được giao quyền phải chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước cấp trưởng và trước pháp luật.

4. Thời gian cưỡng chế thi hành quyết định có hiệu lực pháp luật không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ đến ngày bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp; hồ sơ hợp lệ gồm: đơn yêu cầu cưỡng chế; quyết định và biên bản triển khai quyết định có hiệu lực pháp luật; Biên bản theo dõi thực hiện quyết định có hiệu lực pháp luật (nếu có);

Trường hợp nhận hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì trong thời gian tối đa 03 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ phải thông báo và hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

Đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn thì thời gian thực hiện thủ tục cưỡng chế được tăng thêm 15 ngày.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ

Điều 5. Tham mưu ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cơ quan được giao nhiệm vụ theo dõi thực hiện quyết định phải gấp gờ, làm việc với các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu có) để thu thập thông tin, động viên, giáo dục, yêu cầu các bên chấp hành quyết định. Trường hợp các bên tranh chấp, người có quyền và nghĩa vụ liên quan không chấp hành và theo Đơn yêu cầu của bên có quyền theo quyết định có hiệu lực pháp luật thì cơ quan được giao nhiệm vụ triển khai thực hiện quyết định phải báo cáo kết quả đến người ra quyết định giải quyết xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế theo Điều 4 Quy định này; báo cáo gồm có các nội dung cơ bản: việc triển khai thực hiện; quá trình giải thích, động viên, giáo dục, kết quả; yêu cầu của các bên tranh chấp; nhận xét và kiến nghị ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế.

2. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo quy định tại khoản

1 Điều này, người có thẩm quyền xem xét, ban hành quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế.

Điều 6. Quyết định cưỡng chế, Quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế

1. Quyết định cưỡng chế (vận dụng theo mẫu quyết định số 06 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013) phải có các nội dung cơ bản sau:

- a) Biện pháp thực hiện cưỡng chế; thời gian thực hiện cưỡng chế;
- b) Cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế;

Người có thẩm quyền ban hành quyết định cưỡng chế phân công cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế trên nguyên tắc tham mưu giải quyết, tính chất, mức độ và điều kiện thi hành quyết định cưỡng chế.

- c) Cơ quan có trách nhiệm tham gia, phối hợp;

2. Quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế (vận dụng theo mẫu số 04 Thông tư số 05/2014/TT-TTTP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ) phải có các nội dung cơ bản sau:

- a) Thành phần Đoàn cưỡng chế, đối tượng bị cưỡng chế;

Thành phần Đoàn cưỡng chế của tỉnh gồm: thủ trưởng hoặc cấp phó cơ quan chuyên môn chủ trì thực hiện cưỡng chế là Trưởng đoàn; Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện nơi thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng đoàn; đại diện Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Thanh tra huyện, Chủ tịch UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và một số thành viên khác do người ra quyết định thành lập cưỡng chế quyết định là thành viên Đoàn.

Thành phần Đoàn cưỡng chế cấp huyện gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Trưởng đoàn; thủ trưởng hoặc cấp phó cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế là Phó Trưởng đoàn; đại diện cơ quan tài chính, tài nguyên và môi trường, thanh tra, tư pháp, xây dựng cấp huyện; đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; Chủ tịch UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và một số thành viên khác do người ra quyết định thành lập cưỡng chế quyết định là thành viên Đoàn.

- b) Nhiệm vụ cưỡng chế, cơ quan có trách nhiệm tham gia phối hợp.

Điều 7. Gửi quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ban hành quyết định cưỡng chế, người có thẩm quyền quyết định cưỡng chế phải gửi quyết định cưỡng chế cho cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; Đoàn cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế để phối hợp thực hiện.

2. Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định cưỡng chế, Đoàn cưỡng chế phối hợp với cơ quan có liên quan tổ chức triển khai và gửi quyết định cưỡng chế cho đối tượng bị cưỡng chế, tổ chức, cá nhân có liên quan. Quyết định cưỡng chế được triển khai, giao trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện bằng hình thức

bảo đảm trong trường hợp đối tượng bị cưỡng chế cư trú ngoài tỉnh Sóc Trăng và thông báo cho cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế biết:

a) Đối với trường hợp quyết định cưỡng chế được triển khai giao trực tiếp mà cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế không nhận, cố tình vắng mặt (tại nơi cư trú hoặc không đến làm việc theo thư mời) thì Đoàn cưỡng chế phải lập biên bản về việc không nhận quyết định, vắng mặt và lập biên bản niêm yết quyết định cưỡng chế tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế và có xác nhận của chính quyền địa phương hoặc 02 người chứng kiến ký tên thì được coi là quyết định đã được giao;

Trường hợp người bị cưỡng chế vắng mặt thì quyết định cưỡng chế được giao cho một trong những người trong gia đình của đối tượng bị cưỡng chế có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú tại khóm, ấp với đối tượng bị cưỡng chế, bao gồm: cha, mẹ, vợ chồng, con của đối tượng cưỡng chế; việc giao phải lập biên bản, phải có ký tên, điểm chỉ của người nhận, xác nhận của UBND cấp xã thì được coi là quyết định đã được giao;

b) Đối với trường hợp gửi qua bưu điện bằng hình thức bảo đảm, nếu sau thời hạn 10 ngày, kể từ ngày quyết định cưỡng chế đã được gửi qua đường bưu điện đến lần thứ ba mà bị trả lại do cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế cố tình không nhận; quyết định cưỡng chế đã được niêm yết tại nơi cư trú của cá nhân, trụ sở của tổ chức bị cưỡng chế hoặc có căn cứ cho rằng người bị cưỡng chế trốn tránh không nhận quyết định cưỡng chế thì được coi là quyết định đã được giao.

Điều 8. Xây dựng kế hoạch cưỡng chế

1. Đoàn cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế, chủ trì xây dựng kế hoạch cưỡng chế và dự toán kinh phí trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế.

2. Kế hoạch cưỡng chế (vận dụng theo mẫu số 05 - TTr Thông tư số 05/2014/TT-TTCP ngày 16/10/2014 của Thanh tra Chính phủ) phải có các nội dung cơ bản: đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế, phương pháp cưỡng chế; lực lượng tham gia, hỗ trợ; tổ chức và kinh phí thực hiện.

3. Đoàn cưỡng chế phối hợp với cơ quan báo chí, đài truyền thanh, Đài truyền hình (nếu cần thiết) để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 9. Động viên, giáo dục và thông báo cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Đoàn cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã động viên, giáo dục, thuyết phục đối tượng bị cưỡng chế; người có quyền và nghĩa vụ liên quan (nếu cần thiết); tùy một số trường hợp cụ thể, Đoàn cưỡng chế mời đại diện tổ chức chính trị - xã hội cùng tham gia.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện thi hành thì Đoàn cưỡng chế lập biên bản công nhận sự tự nguyện và phải được thành phần tham dự, đối tượng bị cưỡng chế ký tên hoặc điểm chỉ; nội dung tự nguyện phải được thực hiện trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày lập biên bản.

3. Nếu đối tượng bị cưỡng chế không tự nguyện chấp hành, Đoàn cưỡng chế lập biên bản động viên không thành và thông báo thời gian cưỡng chế bằng văn bản; thời hạn cưỡng chế sau 03 ngày, kể từ ngày thông báo. Thông báo cưỡng chế phải có các nội dung cơ bản: đối tượng được thông báo cưỡng chế; thời gian, địa điểm cưỡng chế; yêu cầu đối tượng bị cưỡng chế, người có quyền và nghĩa vụ liên quan có tài sản trên đất phải di dời tài sản ra khỏi nơi thực hiện cưỡng chế.

Điều 10. Thực hiện cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch cưỡng chế đã được phê duyệt, Đoàn cưỡng chế phối hợp với các cơ quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa:

a) Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan cố tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế nhưng phải có đại diện của chính quyền địa phương và 02 người chứng kiến.

b) Trước khi cưỡng chế, nếu đối tượng bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Đoàn cưỡng chế lập thủ tục theo khoản 2 Điều 9 Quy định này.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản (vận dụng theo mẫu biên bản số 04 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013) và giao cho người bị cưỡng chế một bản; biên bản ghi rõ: thời gian, địa điểm, cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế; cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế; đại diện chính quyền địa phương và người chứng kiến; địa điểm cưỡng chế, hiện trạng đất khi cưỡng chế, kết quả thực hiện cưỡng chế và phải được thành phần tham dự cưỡng chế ký tên, điểm chỉ; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi lý do vào biên bản.

2. Đoàn cưỡng chế buộc đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu họ không tự nguyện thực hiện, Đoàn cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa họ cùng tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Trường hợp đối tượng bị cưỡng chế, người có liên quan từ chối nhận tài sản, thì Đoàn cưỡng chế xử lý như sau:

a) Đối với tài sản không bảo quản được, dễ hư hỏng (thủy sản, hoa màu...) thì Đoàn cưỡng chế thông báo cho chủ sở hữu tài sản nhận ngay sau khi tiến hành cưỡng chế, nếu từ chối nhận tài sản thì chủ tài sản chịu trách nhiệm về mất mát, hư hao, chênh lệch giá về tài sản. Đoàn cưỡng chế chủ trì phối hợp với cơ quan tài chính hoặc tổ chức do UBND cấp huyện thành lập bán thanh lý tài sản để tổ chức bán ngay và phải lập thành biên bản gồm có các nội dung: thành phần tham gia bán tài sản, đại diện chính quyền địa phương, người chứng kiến, tên và địa chỉ đơn vị thu mua tài sản; số lượng (nếu thống kê được), trọng lượng, giá đối với từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu), tổng số tiền bán được, biên bản phải có chữ ký của thành phần bán tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có), đại diện chính quyền địa phương, người chứng kiến, người mua tài sản. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc vận chuyển, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng;

b) Đối với tài sản bảo quản được, Đoàn cưỡng chế lập biên bản (vận dụng theo mẫu biên bản số 04 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/07/2013) ghi rõ số

lượng, chủng loại, tình trạng từng loại tài sản, chủ sở hữu tài sản (nếu có giấy tờ, chứng cứ xác định được chủ sở hữu) và lập biên bản bàn giao cho UBND cấp xã bảo quản hoặc cơ quan có trách nhiệm chủ trì thực hiện cưỡng chế thuê tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện để trông giữ, bảo quản tài sản; biên bản phải ký tên hoặc điểm chỉ của đại diện bên bàn giao, bên nhận bảo quản tài sản tạm quản lý, chủ sở hữu tài sản, đại diện chính quyền địa phương hoặc 02 người chứng kiến;

Đối với tiền Việt Nam, ngoại tệ, chứng chỉ có giá, vàng, bạc, đá quý, kim loại quý thì phải lập biên bản ghi rõ số lượng, chủng loại, tình trạng tài sản và được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng;

c) Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày cưỡng chế Đoàn cưỡng chế phải niêm yết thông báo tại UBND cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế thông báo thời gian, địa điểm để chủ sở hữu, người sử dụng hợp pháp nhận tiền, tài sản; việc niêm yết phải được lập thành biên bản.

4. Ngay sau khi thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Đoàn cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện đoàn cưỡng chế, đối tượng nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

5. Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cưỡng chế ngoài thực địa, Đoàn cưỡng chế họp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế. Báo cáo cưỡng chế gồm có các nội dung: quá trình thực hiện cưỡng chế, kết quả cưỡng chế; nêu thuận lợi, khó khăn; bài học kinh nghiệm và kiến nghị (nếu có).

Điều 11. Xử lý tài sản tạm quản lý thuộc trường hợp bán đấu giá

1. Quá thời hạn 03 tháng, kể từ ngày niêm yết thông báo nhận tài sản mà chủ sở hữu tài sản không đến nhận tài sản quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Quy định này thì cơ quan chủ trì cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế thành lập Hội đồng định giá tài sản để bán đấu giá, cụ thể:

a) Thành phần Hội đồng định giá tài sản của tỉnh gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm chủ tịch Hội đồng, cơ quan chủ trì cưỡng chế là Phó Chủ tịch hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, đại diện cơ quan có liên quan là thành viên.

b) Thành phần Hội đồng định giá tài sản cấp huyện gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Chủ tịch hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tư pháp đại diện cơ quan có liên quan là thành viên.

c) Hội đồng định giá tài sản phải tiến hành việc định giá trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày thành lập.

2. Việc định giá tài sản theo khoản 1 phải được lập thành biên bản và được tất cả thành viên trong Hội đồng định giá tài sản ký tên.

Hội đồng định giá tài sản làm việc theo nguyên tắc tập thể. Cuộc họp định giá tài sản của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng triệu tập và phải có ít nhất 2/3 tổng số thành viên tham dự. Trong cuộc họp định giá, mỗi thành viên của Hội đồng định

giá tài sản phát biểu ý kiến của mình về giá trị của tài sản. Các quyết định về giá tài sản phải được quá nửa số thành viên Hội đồng tán thành. Trường hợp biểu quyết ngang nhau thì quyết định theo bên có biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

3. Cơ quan chủ trì cưỡng chế lập thủ tục bán đấu giá theo Quyết định số 33/2013/QĐ-UBND ngày 05/09/2013 của UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành quy chế phối hợp bán đấu giá tài sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Số tiền thu được, sau khi trừ các chi phí cho việc bán đấu giá tài sản, vận chuyển, trông giữ, bảo quản, xử lý tài sản sẽ được gửi tiết kiệm loại không kỳ hạn tại tổ chức tín dụng và thông báo cho cá nhân, tổ chức có tài sản biết để nhận khoản tiền đó.

4. Đối với tài sản tạm quản lý nhưng không còn giá trị sử dụng hoặc không bán được thì cơ quan chủ trì cưỡng chế tham mưu người ra quyết định cưỡng chế thành lập hội đồng tiêu hủy gồm:

a) Thành phần Hội đồng tiêu hủy của tỉnh gồm: cơ quan chủ trì cưỡng chế là Chủ tịch hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, đại diện cơ quan có liên quan là thành viên.

b) Thành phần Hội đồng tiêu hủy cấp huyện gồm: Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch UBND cấp huyện là Chủ tịch hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan tư pháp đại diện cơ quan có liên quan là thành viên.

Điều 12. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, quyết định công nhận hòa giải thành có hiệu lực pháp luật;

b) Quyết định cưỡng chế;

c) Quyết định thành lập Đoàn cưỡng chế và kế hoạch cưỡng chế;

d) Biên bản động viên, giáo dục, thuyết phục; Biên bản cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;

đ) Thông báo nhận tài sản;

e) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số 30/2013/QĐ-UBND tỉnh ban hành Quy định về công tác văn thư lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại và xử lý trường hợp tái chiếm

1. Đối tượng bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện việc thực hiện cưỡng chế theo quy định.

2. Nếu đối tượng bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan tái chiếm thì Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời báo cáo với Chủ tịch UBND cấp huyện lập biên bản và xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

Chương III
CHI PHÍ CƯỖNG CHẾ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 14. Chi phí cưỡng chế

1. Chi phí cưỡng chế được tạm ứng từ ngân sách nhà nước và được hoàn trả ngay sau khi thu được tiền của cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế.

2. Cá nhân, tổ chức bị cưỡng chế phải chịu mọi chi phí cho các hoạt động cưỡng chế. Nếu cá nhân, tổ chức không tự nguyện hoàn trả hoặc hoàn trả chưa đủ chi phí cưỡng chế thì người có thẩm quyền ra quyết định cưỡng chế có thể ra quyết định cưỡng chế bằng các biện pháp quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 2 Điều 86 Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 15. Trách nhiệm thi hành cưỡng chế

1. Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế của mình.

2. Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch UBND cùng cấp và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo phân công của người có thẩm quyền.

3. Lực lượng Cảnh sát nhân dân có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành quyết định cưỡng chế.

Đoàn cưỡng chế gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan Công an cùng cấp 05 ngày làm việc, trước khi thực hiện cưỡng chế để bố trí lực lượng.

4. Đoàn cưỡng chế có trách nhiệm lập kế hoạch cưỡng chế và dự toán kinh phí phục vụ cưỡng chế trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt; thông báo cưỡng chế, yêu cầu cơ quan công an cử lực lượng hỗ trợ; thực hiện cưỡng chế theo kế hoạch đã được phê duyệt; bàn giao đất cho đối tượng sử dụng hợp pháp, báo cáo kết quả thực hiện cưỡng chế.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thi hành quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với Đoàn cưỡng chế động viên giáo dục đối tượng cưỡng chế; tổ chức thực hiện việc giao, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản của đối tượng bị cưỡng chế, đối với trường hợp không nhận tài sản do đoàn cưỡng chế bàn giao.

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế, Đoàn cưỡng chế khi có yêu cầu, tạo điều kiện để cơ quan thực hiện cưỡng chế hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Điều 16. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, thủ trưởng các Sở, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.



Nguyễn Trung Hiếu